

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 64/2022/HS-PT
Ngày: 23-5-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo T.M.Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 07-02-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

T.M.Đ (X.Q), sinh năm 1992 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số xx/xx, đường T.V.K, Phường x, thành phố M.T, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Số xxA, Khu phố x, phường P.T, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.H.D (đã chết) và bà V.M.H, sinh năm 1955; hiện sống chung như vợ chồng với chị H.T.T.M, sinh năm 1998; con: có 02 người con cùng sinh năm 2018; nhân thân: tại Bản án số 24/2014/HSST ngày 26/02/2014 của Tòa án nhân dân Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (chấp hành xong Bản án ngày 09/3/2016); tiền án: tại Bản án số 65/2019/HS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (chấp hành xong Bản án ngày 21/01/2020); tiền sự: không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2021 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 18/8/2021, Tổ tuần tra, kiểm soát phòng chống dịch bệnh Covid-19 - Công an tỉnh Bến Tre tuần tra trên đường Đại lộ Đồng Khởi đến đoạn trước nhà Số xxxA, Khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre thì phát hiện ông N.C.P đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B3 - xxx.74 chở sau T.M.Đ có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện trong ống quần Jean bên trái được xoắn lên của T.M.Đ đang mặc có: 01 (một) túi nylon màu trắng, hàn kín, bên trong chứa chất màu trắng nghi là ma túy nên lực lượng tuần tra tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ tang vật, sau đó bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) túi nylon màu trắng, hàn kín, bên trong chứa chất màu trắng nghi là ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có các chữ ký ghi tên: T.M.Đ, N.C.P, V.H.N, N.H.Đ.K, N.V.H và hình dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

Theo Kết luận giám định số 122/2021/GĐMT ngày 04/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: chất màu trắng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Heroine; khối lượng 0,8628 gam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 07/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo T.M.Đ phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo T.M.Đ 02 (hai) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 17/02/2022, bị cáo T.M.Đ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.M.Đ phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T.M.Đ 02 năm tù là tương xứng; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng

điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T.M.Đ 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận và nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 14 giờ 45 phút ngày 18/8/2021, trên đường Đại lộ Đồng Khởi đoạn trước nhà Số xxxA, Khu phố x, phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo T.M.Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,8628 gam ma túy, loại Heroine để sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị kết án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 0,8628 gam ma túy, loại Heroine nhằm mục đích để sử dụng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy mà bị cáo đã tàng trữ trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo T.M.Đ phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*Đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” và “*Heroine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*” theo điểm a, c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích, bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “đang nuôi con nhỏ” theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 02 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo đã tàng trữ trái phép khối lượng 0,8628 gam ma túy, loại Heroine, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt

tù từ 01 năm đến 05 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân, thấy rằng vào năm 2014 bị cáo đã từng bị kết án 03 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; đến năm 2019 bị cáo lại bị kết án 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, lần bị kết án này bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, điều đó chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt, xem thường pháp luật, khó cải tạo; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng; tại cấp phúc thẩm bị cáo cho rằng đang sống chung với mẹ, sinh năm 1955 và nuôi con nhỏ, bản thân bị bệnh HIV để yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T.M.Đ; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 07/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo T.M.Đ 02 (hai) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo T.M.Đ phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường P, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông